

Số: 61/2023/HS-ST

Ngày: 10-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy Năng**

Thẩm phán: Ông **Trần Minh Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Hồng**

Ông **Đoàn Ngọc Đăng**

Ông **Nguyễn Mạnh Long**

Thư ký phiên tòa: Ông **Từ Văn Hoàng Linh** - Thư ký Toà án nhân dân Tp. Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Như Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

HOÀNG ANH T, sinh ngày 30/9/1997 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng A (sinh năm 1965) và bà Lại T (sinh năm 1970);

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/12/2022, tạm giam từ ngày 07/01/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Anh T:* Ông **Bùi X** - Luật sư thuộc Công ty luật Y-thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* *Bị hại:* Ông **Võ S**, sinh năm 1997; Nơi ĐKNKTT: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Chỗ ở: Tổ Z, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Võ T**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ Z, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2/ Bà **Trần Y**, sinh năm 2000; Nơi ĐKNKTT:, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

3/ Bà **Trần K**, sinh năm 1998; Nơi ĐKNKTT:, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4/ Bà **Hoàng H**, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Tổ Y, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

5/ Bà **Lại T**, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Tổ Y, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên Hoàng Anh T đã lên mạng internet tìm kiếm thông tin rao bán đất tại thành phố Đà Nẵng và thấy có ảnh 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (GCNQSDĐ) thửa đất ghi địa chỉ tại thửa số 20, tờ bản đồ 52, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. T đã tải hình ảnh GCNQSDĐ về để lấy thông tin. Sau đó T gặp anh Võ S và nói dối là gia đình T có 01 lô đất tại phường H, quận C cần bán, nếu anh S mua thì sẽ bán rẻ cho anh S với giá 700.000.000 đồng. Để anh S tin tưởng là thật, T đã gửi hình ảnh GCNQSDĐ cho anh S và chở anh S đến 01 lô đất ở đường Trần Đình Nam, quận C và nói rằng đó là đất của mẹ T cần bán, anh S tin là thật nên đã đồng ý mua lô đất trên với giá tiền 700.000.000 đồng.

Từ ngày 09/8/2022 đến tháng 10/2022, anh S nhờ anh Võ T (anh ruột của anh S) chuyển vào tài khoản của Hoàng Anh T 50.000.000 đồng. Tiếp đó, T yêu cầu anh S cung cấp thông tin cá nhân để hoàn tất hồ sơ chuyển nhượng đất. Sau khi có thông tin cá nhân của anh S, T liên hệ với một đối tượng trên mạng xã hội zalo (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để đặt làm giả GCNQSDĐ số BY 300912 đứng tên anh Võ S đổi với thửa đất số 120, tờ bản đồ 52, phường H, quận C với chi phí 12.000.000 đồng. Khoảng tháng 10/2022, thông qua dịch vụ giao hàng, T nhận được GCNQSDĐ giả số BY 300912 và giao cho anh Võ S. T đưa cho anh S số tài khoản XXXX0001947528 tại ngân hàng BIDV đứng tên Trần Y và nói dối với anh S đây là số tài khoản của mẹ T, yêu cầu anh S chuyển thêm 150.000.000 đồng.

Từ ngày 12/10/2022 đến ngày 22/10/2022, anh S đã nhờ anh ruột của mình là Võ T chuyển khoản nhiều lần với tổng số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản số XXXX0001947528 tại ngân hàng BIDV mang tên Trần Y, sau đó T liên tục yêu cầu anh S phải thanh toán đủ số tiền 500.000.000 đồng còn lại.

Khi anh S mang GCNQSDĐ nói trên đến ngân hàng để làm thủ tục vay tiền thì nghi vấn GCNQSDĐ trên là giả. Ngày 06/12/2022, anh S đến trình báo sự việc trên tại Công an quận C để được điều tra làm rõ.

Trong thời gian này, T vẫn liên tục yêu cầu anh S phải giao đủ tiền. Ngày 29/12/2022, T đến địa chỉ Tổ, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng để nhận số tiền anh S tiếp tục thanh toán, khi T đang kiểm đếm tiền thì bị lực lượng Công an quận S phát hiện bắt quả tang cùng với số tiền 16.900.000 đồng.

* Tại Kết luận giám định số 175/KL-KTHS ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Giấy CNQSDĐ Số BY 300912 đứng tên Võ S đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ 52, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng là giả.

*** Tang, tài vật tạm giữ:**

- Số tiền 16.900.000 đồng.
- 01 giấy mua bán đất đề ngày 29/12/2022 có chữ viết của Hoàng Anh T.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu vàng, ốp lưng màu đen, số imei: 359583820960153, imei 2: 359583820947945.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 pro, màu vàng, số imei: 351150161483381; imei 2: 35110161001084.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu vàng, số máy MWG42LL/A, số seri F2LCD1DPN70F.
- 01 căn cước công dân số 049097014903 mang tên Hoàng Anh T.
- 01 thẻ ngân hàng BIDV số thẻ 9704180093584142 mang tên Hoàng Anh T.
- 01 giấy thông báo mã pin ngân hàng BIDV và 01 thẻ ngân hàng BIDV số thẻ XX180000043591932 mang tên Trần Y.
- 01 thẻ ngân hàng Techcombank, số thẻ XX04079956174852 mang tên Trần Y.

Tại Cáo trạng số 60/CT-VKS-P2 ngày 16 tháng 5 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Hoàng Anh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Hoàng Anh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để sớm trở về với gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Anh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Anh T mức án từ 05 đến 06 năm tù.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Anh T mức án từ 03 đến 04 năm tù.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành từ 08 đến 10 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự, căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc Hoàng Anh T bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại Võ S.

Về xử lý vật chứng, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên như đã đề xuất tại bản Cáo trạng.

Quan điểm bào chữa của Luật sư Bùi X cho bị cáo Hoàng Anh T: Thống nhất với tội danh, điểm, khoản, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo cũng như thống nhất về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án thấp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị hại Võ S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng* của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư bào chữa và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Anh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã

được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Mặc dù lô đất tại thửa số 120, tờ bản đồ 52, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng là không có thật, nhưng do cần tiền để tiêu xài cá nhân, từ tháng 8/2022, bị cáo Hoàng Anh T đã đưa ra nhiều thông tin gian dối là đất của mẹ bị cáo và thỏa thuận bán cho ông Võ S với giá 700.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo liên hệ với một đối tượng trên mạng xã hội zalo (chưa rõ nhân thân, lai lịch), cung cấp thông tin của ông Võ S để làm giả 01 GCNQSDĐ lô đất tại thửa số 120, tờ bản đồ 52, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Võ S nhằm tiếp tục chiếm đoạt số tiền 700.000.000 đồng của ông Sương.

Từ tháng 8/2022 đến tháng 10/2022, do tin tưởng, anh S đã nhiều lần nhờ anh Võ T chuyển cho bị cáo tổng số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 29/12/2022, tại Tổ A, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng, khi bị cáo đang nhận số tiền 16.900.000 đồng do anh S tiếp tục thanh toán để mua lô đất thì bị cơ quan Công an quận S phát hiện bắt quả tang.

Mặc dù tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi chỉ mới chiếm đoạt của anh S là 216.900.000 đồng, nên bị cáo cho rằng chỉ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích ngay từ ban đầu của bị cáo là chiếm đoạt của anh S số tiền 700.000.000 đồng. Sở dĩ bị cáo mới chiếm đoạt được số tiền 216.900.000 đồng là do anh S phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả và báo với cơ quan Công an, nên vào ngày 29/12/2022, khi bị cáo đang nhận tiếp số tiền 16.900.000 đồng do anh S giao thì bị bắt quả tang.

Mặt khác, tại phiên tòa người bị hại trình bày, do là bạn bè tin tưởng, nên sau khi anh S giao trước 200.000.000 đồng, bị cáo đã giao cho anh S 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh S. Số tiền 500.000.000 đồng còn lại, bị cáo nói đã ứng trước cho anh S để đưa cho mẹ của bị cáo và cho anh S trả nợ dần sau cho bị cáo. Sau đó bị cáo liên tục gọi điện, nhắn tin yêu cầu anh S tiếp tục thanh toán số tiền còn lại là 500.000.000 đồng. Nội dung này cũng được bị cáo thừa nhận tại phiên tòa.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Hành vi trên của bị cáo Hoàng Anh T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng là truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật

Hình sự. Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng cũng xác định truy tố bị cáo cả 02 hành vi: Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức chung trong 01 tội danh là Điều 341 Bộ luật Hình sự và đề nghị 01 hình phạt là từ 03 đến 04 năm tù. Hội đồng xét xử thấy Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định 02 tội ghép chung trong 01 điều luật là tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, chứ không phải là 02 hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong cùng 01 tội danh. Việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo đối với cả 2 hành vi: Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong cùng 01 tội danh và đề nghị 01 mức hình phạt như trên là không có căn cứ, không đúng theo tinh thần của điều luật (Điều 341 Bộ luật Hình sự). Mặt khác, xét thấy hành vi Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của bị cáo là hành vi gian dối đã là yếu tố, là điều kiện cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và trong vụ án này bị cáo đã bị truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, nên không thể xem xét xử lý bị cáo thêm về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Do đó Hội đồng xét xử chỉ xét xử bị cáo về 02 tội là tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3] *Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:* Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo đã làm giả giấy tờ và đã gian dối dùng giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người bị hại nhiều lần, với tổng số tiền nhằm chiếm đoạt là 700.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an xã hội. Đối với bị cáo cần xử phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đưa cho bị hại anh Võ S làm tin, để thực hiện chiếm đoạt tiền của bị hại nhiều lần. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường. Tại phiên tòa, bị hại xác nhận đã nhận số tiền gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại là 10.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Việc bị cáo chưa chiếm đoạt được số tiền 500.000.000 đồng còn lại là nằm ngoài ý muốn của bị cáo, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo trong trường hợp phạm tội chưa đạt.

[7] Đối với mức án từ 05 đến 06 năm tù mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là chưa tương xứng với hành vi của bị cáo, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp, như nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[9] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo Hoàng Anh T đã chiếm đoạt được của bị hại Võ S tổng số tiền 200.000.000 đồng và đã sử dụng như sau:

- Sử dụng 50.000.000 đồng để mua 02 điện thoại di động hiệu Iphone 13 cho T và bạn gái là Trần Y sử dụng.
- Sử dụng 50.000.000 đồng để chữa bệnh cho Trần Y, hiện nay Trần Y đã trả lại cho anh Võ S 30.000.000 đồng.
- Sử dụng 14.500.000 đồng để mua cho em gái là Hoàng H 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11;
- Sử dụng 20.000.000 đồng để trả nợ giùm cho Hoàng H;
- Sử dụng 3.000.000 đồng để cho mẹ là bà Lại T.
- Sử dụng 12.000.000 đồng để trả tiền làm giả GCNQSDĐ, số tiền còn lại T tiêu xài hết.

Tại phiên tòa:

Bị hại là anh Võ S xác nhận đã nhận lại 30.000.000 đồng do chị Trần Y hoàn trả và 3.000.000 đồng do bà Lại T hoàn trả. Ngoài ra, gia đình bị cáo bồi thường cho ông là 10.000.000 đồng. Nay ông Sương tiếp tục yêu cầu bị cáo và những người có liên quan tiếp tục bồi thường cho ông số tiền còn thiếu 157.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Y, chị Hoàng H, bị cáo Hoàng Anh T và bị hại ông Võ S tự thống nhất và thỏa thuận như sau:

Đến ngày 31 tháng 07 năm 2024, chị Trần Y và chị Hoàng H, mỗi người hoàn trả cho ông Võ S số tiền là 20.000.000 đồng.

Xét sự thỏa thuận giữa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tự nguyện và không trái luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Đối với số tiền còn lại 117.000.000 đồng, buộc bị cáo Hoàng Anh T tiếp tục bồi thường cho ông Võ S.

[10] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Đối với số tiền 16.900.000 đồng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho bị hại Võ S là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu vàng, ốp lưng màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 pro, màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu vàng là tài sản bị cáo T dùng tiền chiếm đoạt của bị hại để mua, cần quy trừ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho Hoàng Anh T 01 căn cước công dân; 01 thẻ ngân hàng BIDV đều mang tên Hoàng Anh T.

- Trả lại cho Trần Y 01 thẻ ngân hàng Techcombank; 01 giấy thông báo mã pin ngân hàng BIDV và 01 thẻ ngân hàng BIDV đều mang tên Trần Y.

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 giấy mua bán đất đề ngày 29/12/2022 có chữ viết của Hoàng Anh T.

[11] *Những vấn đề khác liên quan đến vụ án*:

- Đối với đối tượng làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo liên hệ qua mạng xã hội Zalo, Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân lai lịch của đối tượng này, nên không đủ cơ sở để xử lý.

- Đối với Trần Y có hành vi nhận tiền do bị hại S chuyển đến cho bị cáo, nhưng không biết đây là tiền do phạm tội mà có, không bàn bạc, thống nhất cùng thực hiện tội phạm với bị cáo nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Đối với Hoàng H và Lại T nhận tiền và điện thoại từ Hoàng Anh T nhưng không biết tài sản có nguồn gốc từ tiền phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[12] *Về án phí*: Bị cáo Hoàng Anh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền chưa bồi thường cho bị hại: $157.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.850.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Hoàng Anh T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 3 Điều 57; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Hoàng Anh T **08 (tám) năm tù.**

1.2. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Hoàng Anh T **03 (ba) năm tù.**

1.3. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo Hoàng Anh T phải chấp hành là **11 (mười một) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 29/12/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Y, chị Hoàng H, bị hại anh Võ S và bị cáo Hoàng Anh T như sau:

Đến ngày 31 tháng 07 năm 2024, chị Trần Y và chị Hoàng H, mỗi người hoàn trả cho bị hại ông Võ S số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Hoàng Anh T phải tiếp tục bồi thường dân sự cho anh Võ S số tiền 117.000.000 đồng (một trăm mười bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu thêm khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên:

3.1 Tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu vàng, ốp lưng màu đen, số imei: 359583820960153, imei 2: 359583820947945.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 pro, màu vàng, số imei: 351150161483381; imei 2: 35110161001084.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu vàng, số máy MWG42LL/A, số seri F2LCD1DPN70F.

3.2 Trả lại cho Hoàng Anh T:

- 01 căn cước công dân số 049097014903 mang tên Hoàng Anh T.
 - 01 thẻ ngân hàng BIDV số thẻ XX04180093584142 mang tên Hoàng Anh T.
- 3.3 Trả lại cho Trần Y:

- 01 giấy thông báo mã pin ngân hàng BIDV.
- 01 thẻ ngân hàng BIDV số thẻ XX04180000043591932 mang tên Trần Y.
- 01 thẻ ngân hàng Techcombank, số thẻ XX04079956174852 mang tên Trần Y.

(Toàn bộ vật chứng trên hiện đang được Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/05/2023).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Hoàng Anh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.850.000 đồng (bảy triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết) bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATPĐN;
- Cơ quan THAHS - CATPĐN;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CATP Đà Nẵng;
- Sở tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng